Số: 174/QĐ-BQL
Thời gian ký: 2026-11-10T15:34:06+07:00

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH ĐỒNG THÁP
Chương: 505

Mẫu biểu số 48

PHÂN BỔ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết đinh số 174 /QĐ-BQL ngày 10/11/2026 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị: đồng

Stt	Nội dung	Tổng số	Chi tiết theo đơn vị sử dụng					
			Văn phòng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Đồng Tháp					
			Tổng cộng	Loại 340 Khoản 341	Loại 250 Khoản 278	Loại 280 khoản 332	Loại 070 khoản 082	Loại 070 khoản 083
A	*B*	*1=2*	*2=3+4+5+6+7*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**							
1	**Số thu phí, lệ phí**	**1.391.000.000**	**1.391.000.000**	**1.391.000.000**				
1.1	***Lệ phí***							
	Lệ phí cấp giấy phép xây dựng							
1.2	***Phí***	**1.391.000.000**	**1.391.000.000**	***1.391.000.000***				
	Phí thẩm định Thiết kế cơ sở	**1.391.000.000**	**1.391.000.000**	1.391.000.000				
2	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**							
2.1	***Chi sự nghiệp kinh tế***							
2.2	***Chi quản lý hành chính***							
	Trong đó: 40% trích nguồn cải cách tiền lương (40%)							
3	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**	**1.391.000.000**	**1.391.000.000**	**1.391.000.000**				
3.1	***Lệ phí***							
	Lệ phí cấp giấy phép xây dựng							
3.2	***Phí***	**1.391.000.000**	**1.391.000.000**	***1.391.000.000***				
	Phí thẩm định Thiết kế cơ sở	**1.391.000.000**	**1.391.000.000**	1.391.000.000				
3.3	**Thu phạt**							
	Thu phạt vị phạm hành chính							
II	**Các khoản thu sự nghiệp (nếu có)**							
	Chi tiết theo từng khoản thu							
III	**Thu khác (bao gồm thu phạt vi phạm hành chính)**							
	Trong đó: thu phạt vi phạm hành chính							
IV	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**25.988.050.000**	**25.988.050.000**	**10.889.050.000**	**144.000.000**	**14.869.000.000**	**70.000.000**	**16.000.000**
1	**Chi quản lý hành chính**	**10.889.050.000**	**10.889.050.000**	**10.889.050.000**				
1.1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	**8.526.000.000**	**8.526.000.000**	**8.526.000.000**				
	Dự toán được giao	**8.526.000.000**	**8.526.000.000**	**8.526.000.000**				
	Trong đó: Dự toán ngân sách để lại 10% tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương	**168.000.000**	**168.000.000**	*168.000.000*				
	Trích quỹ thi đua khen thưởng							
1.2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	**2.363.050.000**	**2.363.050.000**	**2.363.050.000**				
	Dự toán được giao	**2.363.050.000**	**2.363.050.000**	**2.363.050.000**				
	Trong đó: Quỹ tiền thưởng (10% Quỹ lương) (Mã tính chất nguồn 18)	**363.000.000**	**363.000.000**	*363.000.000*				
	Trong đó, kinh phí của các nhiệm vụ chi chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt							
2	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**	**86.000.000**	**86.000.000**				**70.000.000**	**16.000.000**
2.1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ							
	Trong đó: 10% tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương							
2.2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	**86.000.000**	**86.000.000**				70.000.000	16.000.000
	Trong đó, kinh phí của các nhiệm vụ chi chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt							
3	**Chi sự nghiệp kinh tế**	**14.869.000.000**	**14.869.000.000**			**14.869.000.000**		
3.1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ							
	Trong đó: 10% tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương							
3.2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	**14.869.000.000**	**14.869.000.000**			14.869.000.000		
	Trong đó, nhiệm vụ chi dự kiến phát sinh nhưng chưa có chủ trương thực hiện							
4	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	**144.000.000**	**144.000.000**		**144.000.000**			
4.1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ							
	Trong đó: 10% tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương							
4.2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	**144.000.000**	**144.000.000**		**144.000.000**			

Stt	Nội dung	Tổng số	Chi tiết theo đơn vị sử dụng					
			Văn phòng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Đồng Tháp					
			Tổng cộng	Loại 340 Khoản 341	Loại 250 Khoản 278	Loại 280 khoản 332	Loại 070 khoản 082	Loại 070 khoản 083
A	*B*	*1=2*	*2=3+4+5+6+7*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
	Trong đó: 10% tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương							
	Trong đó, nhiệm vụ chi dự kiến phát sinh nhưng chưa có chủ trương thực hiện							
5	**Chi khác**							
5.1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ							
	Trong đó: 10% tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương							
5.2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ							
	Trong đó, kinh phí của các nhiệm vụ chi chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt							
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN	**1019914**	**1019914**	**1019914**	**1019914**	**1019914**	**1019914**	**1019914**
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch	**0561**	**0561**	**0561**	**0561**	**0561**	**0561**	**0561**